

Bản án số: **72/2019/DS-ST**

Ngày: 12 – 11 – 2019.

V/v tranh chấp: “*Yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở việc thực hiện Quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Săng;

Ông Đặng Hoàng Mịch.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST – DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện Quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 107/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phạm Văn H**, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **1. Phạm Thị T**, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

2. Hồ Văn C, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Cùng Địa chỉ: ấp T, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, bản tự khai ngày 03/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Tôi có phần đất thuộc 03 thửa 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại ấp Bình Chiến, Thị trấn Bình Đại đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng vào ngày 27/8/2008.

Nguồn gốc đất do tôi được tập đoàn cấp khoán theo bình quân nhân khẩu vào năm 1982, hiện trạng là đất lâm, chỉ có chà là, dừa nước, lú, nên tôi không vào canh tác được mà chỉ sử dụng để làm đường nước dẫn vào các thửa đất bên trong của tôi trồng lúa.

Ông C, bà T thấy đất lâm nghĩ là không ai canh tác nên ông C mới lấy phần đất này cho người khác thuê và họ mới thuê Kobe cạp thành ao để nuôi tôm từ khoảng năm 2009-2010 trong khi đất này của tôi, nên khi phát hiện ra đã làm thủ tục khởi kiện buộc ông C, bà T trả lại 03 thửa đất nêu trên. Theo Bản án sơ thẩm và phúc thẩm xét xử đều tuyên buộc ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T phải giao trả cho tôi 03 thửa đất 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66.

Nhưng sau khi án có hiệu lực pháp luật thì phía ông C, bà T vẫn không giao trả đất. Nên tôi mới làm thủ tục yêu cầu thi hành án và ngày 21/7/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại đã tiến hành cưỡng chế để giao phần đất tranh chấp cho tôi theo Bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã tuyên, cụ thể cơ quan Thi hành án đã tiến hành đo đạc, cắm cọc mốc và giao xong tài sản là 03 thửa đất nêu trên cho tôi.

Như vậy, Thi hành án đã tiến hành cưỡng chế giao đất từ ngày 21/7/2017 để tôi có toàn quyền quản lý, sử dụng các thửa đất nêu trên, nhưng thực tế khi tôi vào sử dụng kêu Kobe để cải tạo đất thì bị ông C, bà T ngăn cản nên Kobe không cải tạo đất được. Cụ thể: ông C, bà T đã có hành vi chửi bới, xách cây, xách dao, xách gĩa hăm dọa, nếu tôi vào canh tác đất thì ông bà sẽ chém không cho tôi vào canh tác, vì ông bà cho rằng đất này là của ông bà, nên không trả đất cho tôi và cũng không cho ai vào canh tác. Ủy ban nhân dân Thị trấn Bình Đại có lập biên bản sự việc cản trở việc sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 14/12/2017 và ngày 29/01/2018 để làm căn cứ cho tôi khởi kiện tại Tòa án.

Vì vậy, cho đến nay phần đất tranh chấp nêu trên vẫn bỏ hoang đó, tôi không vào canh tác được. Nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất tại thửa đất số 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66 tọa lạc ấp Bình Chiến, Thị trấn Bình Đại để tôi được sử dụng đất của mình.

- Cơ sở chứng cứ khởi kiện:

+ 03 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho ông Phạm Văn H tại 03 thửa 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại ấp Bình Chiến, Thị trấn Bình Đại đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp giấy vào ngày 27/8/2008.

+ Bản án sơ thẩm số 65/2015/DSST ngày 17/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

+ Bản án phúc thẩm số 67/2016/DSPT ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

+ Quyết định số 1542/QĐ-CCTHADS ngày 08/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại về Thi hành án theo yêu cầu;

+ Quyết định số 24/QĐ-CCTHADS ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại về việc cưỡng chế giao quyền sử dụng đất;

+ Thông báo số 534/TB-CCTHADS ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại về việc cưỡng chế thi hành án;

+ Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

+ Biên bản sự việc cản trở việc sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 14/12/2017 và ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân Thị trấn Bình Đại.

Tại phiên Tòa, ông H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019, bị đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của ông H buộc vợ chồng tôi phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất tại thửa đất số 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66 tọa lạc ấp Bình Chiến, Thị trấn Bình Đại là chúng tôi không đồng ý, bởi vì: phần đất tranh chấp là của gia đình chúng tôi, vợ chồng tôi đã canh tác từ xưa cho đến nay, việc Tòa án các cấp đã xét xử buộc chúng tôi trả đất cho ông H là không đúng, nên khi phía ông H vào canh tác đất là vợ chồng tôi ngăn cản không cho, cụ thể ông C có xách cây, xách dao và hăm ông H “*nếu ông vô đất tôi cạp Kobe thì tôi chém đầu*”, “*ai mà phá cổng là tôi đánh*”, thực tế chúng tôi chỉ hăm chứ không có đánh hay chém, còn bà T thì chửi bới ông H. Hiện nay phần đất tranh chấp này vẫn do vợ chồng tôi quản lý, ông H chưa vào canh tác đất được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H để buộc ông C và bà T chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của ông H tại 03 thửa đất 128, 130, 131 tờ bản đồ số 66 vì ông C, bà T đã có hành vi ngăn cản, chửi bới không cho ông H vào thi công cải tạo trên phần đất mà Hùng

đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là hành vi trái pháp luật vì đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông bà là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông H buộc vợ chồng ông C và bà T phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện Quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại ấp Bình Chiến, Thị trấn Bình Đại do ông Phạm Văn H đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp vào ngày 27/8/2008.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2019 của Tòa án, thì hiện trạng phần đất tranh chấp là đất bỏ trống, cây cối như cây lức, cây sậy tự mọc um tùm, không có nhà cửa, công trình kiến trúc gì trên đất, không ai canh tác mà theo phía bà T xác định chỉ có bà trồng bắp bờ đường đi 01 số cây giống như đậu bắp, cây mì.....

[3]. Phần đất tranh chấp do ông Phạm Văn H là chủ sử dụng hợp pháp. Theo các bản án sơ thẩm, phúc thẩm đều đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H để buộc ông C, bà T phải giao trả lại cho ông H 03 thửa đất nêu trên theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H cùng một ngày 27/8/2008. Cơ quan Thi hành án đã tiến hành thủ tục cưỡng chế giao đất cụ thể đã tiến hành đo đạc, cắm cọc mốc và giao xong tài sản là 03 thửa đất nêu trên từ ngày 21/7/2017 cho ông H có toàn quyền quản lý, sử dụng.

Nhưng thực tế cho đến nay ông H vẫn chưa vào canh tác sử dụng được vì bị phía ông C, bà T ngăn cản. Cụ thể ông H thuê Kobe vào để cải tạo đất nhưng ông C, bà T đã có hành vi “*chửi bới, xách cây, xách dao, xách gĩa hăm dọa, nếu ông H vào canh tác đất thì ông bà sẽ chém*”. Điều này cũng được chính ông C, bà T thừa nhận là có hành vi ngăn cản đối với ông H, cụ thể là ông C có xách cây, xách dao và hăm ông H “*nếu ông vô đất tôi cạy Kobe thì tôi chém đầu*”, “*ai mà phá cồng là tôi đánh*”, đối với bà T thì có hành vi chửi bới ông H (**Bút lục 79 - 82, tập 6**) và phù hợp với 02 Biên bản sự việc cản trở việc sử dụng

quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân Thị trấn Bình Đại lập vào ngày 14/12/2017 và ngày 29/01/2018 (**Bút lục 37- 40, tập 2**).

[4]. Từ những cơ sở phân tích trên, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định:

Ông H là chủ sử dụng hợp pháp của 03 thửa đất 128, 130, 131 tờ bản đồ số 66. Do đó, ông H có đầy đủ các quyền theo quy định pháp luật, trong đó có quyền của người sử dụng đất theo quy định tại **Điều 166** của Luật đất đai năm 2013. Nhưng ông C, bà T có hành vi ngăn cản không cho ông H vào canh tác sử dụng đất, điều này cũng được ông C, bà T thừa nhận. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là **trình tiết, sự kiện** không phải chứng minh và công nhận sự thật ông C, bà T có hành vi cản trở việc thực hiện Quyền sử dụng đất tại thửa 03 thửa đất 128,130,131 tờ bản đồ số 66 đối với ông H là đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của ông. Do đó, ông H được Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, **theo quy định tại khoản 16 Điều 3; khoản 1 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013** là “*Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất*”.

Do đó, hành vi của ông C, bà T là hành vi cản trở trái pháp luật việc ông H thực hiện quyền sử dụng đất hợp pháp của mình, là hành vi vi phạm pháp luật theo quy định tại **khoản 10 Điều 12** của Luật Đất đai năm 2013 về những hành vi bị nghiêm cấm:..... “*10. Cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*” Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông C, bà T phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện Quyền sử dụng đất là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận vì phù hợp theo quy định pháp luật tại **Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015**: “*Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm*”.

[5]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận, nên ông C và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000 đồng.

Nhưng do ông C và bà T là người cao tuổi, nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí Tòa án. Vì vậy, ông C và bà T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 3; Điều 4, Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 26; Điều 166; khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013; Điều 169 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H đối với ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện Quyền sử dụng đất*”.

2. Buộc ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn H tại thửa 128, 130, 131, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại ấp Bình Chiến, Thị Trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị T được miễn nộp toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Săng – Đặng Hoàng Mích

Trần Thị Mỹ Duyên

